TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29 /2021/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 01 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc HNGĐ thụ lý số 31/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Bùi Như T - Sinh năm: 1979. Trú tại địa chỉ: H Ngô Thì T, Tổ T, phường Nại Hiên Đ, quận Sơn Trà, tp Đà Nẵng.

Bà Trương Trần Thị Tuyết T - Sinh năm: 1980. Trú tại địa chỉ: H Ngô Thì T, Tổ T, phường Nại Hiên Đ, quận Sơn Trà, tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Bùi Như T và bà Trương Trần Thị Tuyết T kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2007, tại UBND phường Bình T, quận Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 04/05/2007. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải ông Bùi Như T và bà Trương Trần Thị Tuyết T xác nhận: Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, khác biệt nhau về tính cách dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả, to tiếng với nhau. Vợ chồng đã nói chuyện với nhau nhiều lần để hàn gắn nhưng không có kết quả làm cho đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng. Nay về tình cảm ông T và bà T xác định không còn yêu thương

nhau nữa, nên ông T và bà T đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Như T và bà Trương Trần Thị Tuyết T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông T và bà T lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông T và bà T đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông T và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T và bà T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Ông Bùi Như T và bà Trương Trần Thị Tuyết T xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Bùi Hoài N, sinh ngày 04/01/2009. Ông T và bà T thỏa thuận, thống nhất giao con Hoài N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 8.000.000đ(tám triệu đồng chẵn)/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 10/ 02/2021.Xét yêu cầu về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con của ông bà là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Ông Bùi Như T và bà Trương Trần Thị Tuyết T xác định vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về tài sản chung: Ông Bùi Như T và bà Trương Trần Thị Tuyết T thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng, ông Bùi Như T và bà Trương Trần Thị Tuyết T phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ do ông Bùi Như T và bà Trương Trần Thị Tuyết T đã nộp tại biên lai thu số 0006553 ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn ông Bùi Như T và bà Trương Trần Thị Tuyết T (*Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2007, tại UBND phường Bình T, quận Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 04/05/2007 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về nuôi con chung: Ông Bùi Như T và bà Trương Trần Thị Tuyết T xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Bùi Hoài N, sinh ngày 04/01/2009. Ông T và bà T thỏa thuận, thống nhất giao con Hoài N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 8.000.000đ(tám triệu đồng chẵn)/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 10/ 02/2021.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Không giải quyết.

- Về nợ chung: ông Bùi Như T và bà Trương Trần Thị Tuyết T xác định vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng, ông Bùi Như T và bà Trương Trần Thị Tuyết T phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ do ông Bùi Như T và bà Trương Trần Thị Tuyết T đã nộp tại biên lai thu số 0006553 ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường Bình T, quận Bình Sơn , thành phố Quãng Ngãi;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG